

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 12 năm 2024
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Duyên

2. Bà Hoàng Thị Hanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Mậu Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Minh H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23 tháng 9 năm 2024 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Dương Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn V đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 3 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, vợ chồng bà ở riêng tại Khu Tập thể của Công ty Cổ phần X thuộc thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bà bình thường. Tháng 3/2022, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bà không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên chiến tranh lạnh với nhau, không nói chuyện với nhau. Đầu tháng 3/2023, vợ chồng bà mâu thuẫn căng thẳng và ly thân cho đến nay. Kể từ thời điểm vợ chồng bà ly thân, mặc dù vợ chồng bà ở chung một

nhà nhưng vợ chồng bà ở khác phòng, tự nấu ăn riêng và ngủ riêng. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Dương Đức T, sinh ngày 14/02/2006 và cháu Nguyễn Dương Khánh H1, sinh ngày 04/5/2009. Hiện nay, cháu T đang học tại Trường Cao đẳng C; cháu H1 đang học tại Trường Trung học phổ thông T thuộc xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nếu ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã thành niên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng bà không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

Về đất canh tác: Bà và ông V không ai được cấp đất canh tác.

Về công sức đóng góp: Bà và ông V không có thời gian nào ở và làm ăn chung cùng với gia đình hai bên.

- Đối với ông Nguyễn Văn V, quá trình giải quyết vụ án, ông V không đến Tòa án lần nào. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông V tại gia đình ông V. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/11/2024, ông V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông V trình bày về thời gian, thủ tục kết hôn; trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn; sau ngày cưới, vợ chồng ở riêng; quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường, thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thời gian vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân; nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn; kể từ thời điểm vợ chồng ông ly thân, mặc dù vợ chồng ông ở chung một nhà nhưng vợ chồng ông ở khác phòng, tự nấu ăn riêng và ngủ riêng như nội dung bà H trình bày ở trên. Ngoài ra, ông V trình bày kể từ thời điểm vợ chồng ly thân, ông chưa có biện pháp gì dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ, không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Ông V trình bày vợ chồng ông có 02 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của các con và hiện đều đang đi học cụ thể như bà H đã trình bày. Cháu H1 vẫn ăn và ngủ chung với bà H; cháu T thỉnh thoảng về gia đình cũng ăn cùng bà H. Nếu ly hôn, cháu H1 có nguyện vọng được ở với ai thì đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho người đó nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu H1 có nguyện vọng ở với ông thì ông xin nuôi cháu H1, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu T đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Ông trình bày vợ chồng ông không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

Về đất canh tác: Bà H và ông không ai được cấp đất canh tác.

Về công sức đóng góp: Bà H và ông không có thời gian nào ở và làm ăn chung cùng với gia đình hai bên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật

tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Dương Thị Minh H, cho bà H được ly hôn ông Nguyễn Văn V; về con chung: Giao cháu Nguyễn Dương Khánh H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn ông Nguyễn Văn V có nơi cư trú tại thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố Tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông V xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà H và ông V là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bà H cương quyết xin ly hôn còn ông V vắng mặt không có lý do nhưng theo quan điểm thể hiện trong biên bản lấy lời khai của ông V thì ông V không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị Minh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V đã phát sinh mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ đầu tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Nguyên nhân theo lời trình bày của bà H, ông V là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên chiến tranh lạnh với nhau, không nói chuyện với nhau dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân.

Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Nay bà H kiên quyết xin ly hôn, ông V không đồng ý ly hôn nhưng vắng mặt nhiều lần không có lý do. Tuy nhiên, ông V xác nhận kể từ thời điểm vợ chồng ly thân, ông V chưa có biện pháp gì dàn xếp để vợ chồng đoàn tụ, điều đó chứng tỏ tình cảm của vợ chồng bà H, ông V đối với nhau không còn. Quá trình giải quyết vụ án, ông V không đến Tòa án làm việc lần nào. Tòa án nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần đối với ông V nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng bà H, ông V có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông V tỏ ra không quan tâm, không có thiện chí hợp tác. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ vì cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông V không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của bà H và ông V không đạt được. Ông V không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

- Về con chung: Vợ chồng bà H, ông V có 02 con chung là cháu Nguyễn Dương Đức T, sinh ngày 14/02/2006; cháu Nguyễn Dương Khánh H1, sinh ngày 04/5/2009. Hiện nay, cháu T đang học tại Trường Cao đẳng C; cháu H1 đang học tại Trường Trung học phổ thông T thuộc xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H xin được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con; ông V có quan điểm nếu ly hôn, cháu H1 có nguyện vọng được ở với ai thì đề nghị Tòa án giao cháu H1 cho người đó nuôi dưỡng. Nếu cháu H1 có nguyện vọng ở với ông thì ông xin nuôi cháu H1, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà H, ông V cụ thể như trên là chính đáng. Tòa án đã lấy lời khai của cháu H1. Cháu H1 có nguyện vọng được ở với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy bà H có khả năng nuôi con nên cần giao cho bà H nuôi cháu H1. Bà H không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: Vì bà H, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Bà H và ông V đều xác nhận vợ chồng không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Về đất canh tác: Bà H và ông V đều xác nhận vợ chồng không ai được cấp đất canh tác.

- Về công sức đóng góp: Bà H và ông V đều xác nhận vợ chồng không có thời gian nào ở và làm ăn chung cùng với gia đình hai bên.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Bà Dương Thị Minh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Văn V không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho bà Dương Thị Minh H được ly hôn ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung:

2.1. Bà Dương Thị Minh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Dương Khánh H1, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2009. Ông Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Ông Nguyễn Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Dương Thị Minh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007155 ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Dương Thị Minh H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã Đ, huyện Tam Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Thảo

